

Số 221A/2026/CV-SBSI

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 06/2026**

Kính gửi: - Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers xin báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 05/2026 như sau:

- Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 06/2026 Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BVS			BVS
2			C69	C69
3			CAP	CAP
4	CEO			CEO
5			CSC	CSC
6			DP3	DP3
7	DTD			DTD
8	DVM			DVM
9	DXP			DXP
10	HUT			HUT
11	HVT			HVT
12	IDC			IDC
13			IDV	IDV
14	IVS	IVS		
15	LAS			LAS
16	LHC			LHC
17	MBS			MBS
18			NAG	NAG
19			NBC	NBC
20	NDN			NDN
21	NTP			NTP
22	PLC			PLC
23			PPT	PPT
24	PSD			PSD
25			PSW	PSW
26	PVB			PVB
27	PVC			PVC
28			PVG	PVG
29	PVI			PVI
30	PVS			PVS
31	SHS			SHS
32	SJE	SJE		
33			THT	THT
34			TIG	TIG
35	TNG			TNG



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
36	VC3			VC3
37			VC7	VC7
38	VCS			VCS
39	VFS			VFS
40	VGS			VGS
41	VTZ			VTZ

- Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 06/2026 Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	AGG			AGG
4	AGR			AGR
5	ANV			ANV
6	ASM			ASM
7			AST	AST
8	BAF			BAF
9	BCM			BCM
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMI	BMI		
14	BMC			BMC
15	BMP			BMP
16	BSI			BSI
17	BSR			BSR
18	BVH			BVH
19	BWE			BWE
20			C32	C32
21			C47	C47
22	CDC			CDC
23	CHP			CHP
24	CII			CII
25	CMG			CMG
26			CNG	CNG
27	CRE			CRE
28	CSM			CSM
29	CSV			CSV
30	CTD			CTD
31	CTF			CTF
32	CTG			CTG
33	CTI			CTI
34	CTR			CTR
35	CTS			CTS
36	D2D			D2D
37	DBC			DBC
38			DBD	DBD

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
39	DC4			DC4
40	DCL			DCL
41	DCM			DCM
42	DGW			DGW
43	DHA			DHA
44	DHC			DHC
45	DHG			DHG
46	DIG			DIG
47	DPG			DPG
48	DPM			DPM
49	DPR			DPR
50	DRC			DRC
51	DSE			DSE
52			DVP	DVP
53	DXG			DXG
54	DXS			DXS
55	EIB			EIB
56	ELC			ELC
57			EVE	EVE
58	EVF			EVF
59	FCN			FCN
60	FMC			FMC
61	FPT			FPT
62	FRT			FRT
63	FTS			FTS
64	GAS			GAS
65	GEE			GEE
66	GEG			GEG
67	GEX			GEX
68			GIL	GIL
69	GMD			GMD
70	GSP			GSP
71	GVR			GVR
72	HAG			HAG
73	HAH			HAH
74	HAX			HAX
75	HCM			HCM
76	HDB			HDB
77	HDC			HDC
78	HDG			HDG
79	HHP			HHP
80	HHS			HHS
81	HHV			HHV
82	HPG			HPG
83	HSG			HSG
84	HT1			HT1
85			HTG	HTG
86	HTI			HTI
87			HVH	HVH
88	IDI			IDI
89	IJC			IJC



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
90			ILB	ILB
91	IMP			IMP
92	ITC			ITC
93	KBC			KBC
94	KDC			KDC
95	KDH			KDH
96	KHG			KHG
97	KOS			KOS
98	KSB			KSB
99			LBM	LBM
100	LCG			LCG
101	LHG			LHG
102			LIX	LIX
103	LPB			LPB
104	LSS			LSS
105	MBB			MBB
106	MIG			MIG
107	MSB			MSB
108	MSH			MSH
109	MSN			MSN
110	MWG			MWG
111	NAB			NAB
112	NAF			NAF
113	NCT			NCT
114	NHA			NHA
115	NKG			NKG
116	NLG			NLG
117	NNC			NNC
118	NT2			NT2
119	NTL			NTL
120			NVL	NVL
121	OCB			OCB
122			ORS	ORS
123	PAC			PAC
124	PAN			PAN
125	PC1			PC1
126	PDR			PDR
127	PET			PET
128	PGC			PGC
129	PHR			PHR
130	PLX			PLX
131	PNJ			PNJ
132	POW			POW
133	PPC			PPC
134	PTB			PTB
135	PVD			PVD
136	PVP			PVP
137	PVT			PVT
138	REE			REE
139	SAB			SAB
140	SAM			SAM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
141			SBA	SBA
142			SBG	SBG
143	SBT			SBT
144	SCR			SCR
145	SCS			SCS
146	SGR			SGR
147	SHB			SHB
148	SHI			SHI
149	SIP			SIP
150	SJD			SJD
151	SJS			SJS
152	SKG			SKG
153	SMB	SMB		
154	SSB			SSB
155	SSI			SSI
156	STB			STB
157	SZC			SZC
158			SZL	SZL
159	TCB			TCB
160	TCH			TCH
161	TCL			TCL
162	TCM			TCM
163	TCO			TCO
164	TDC			TDC
165	TDM	TDM		
166	TEG	TEG		
167	THG	THG		
168	TIP			TIP
169	TLG			TLG
170	TPB			TPB
171			TRA	TRA
172	TRC			TRC
173	TTA			TTA
174	TV2			TV2
175	TVS			TVS
176			TYA	TYA
177	VAB			VAB
178	VCB			VCB
179	VCG			VCG
180	VCI			VCI
181	VDS			VDS
182	VGC			VGC
183	VHC			VHC
184	VHM			VHM
185	VIB			VIB
186	VIC			VIC
187	VIP			VIP
188	VIX			VIX
189	VJC			VJC
190	VND			VND
191	VNM			VNM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
192	VPB			VPB
193	VPI			VPI
194	VPL			VPL
195				VRC
196	VRE			VRE
197	VSC			VSC
198				VSH
199				VTO
200	VTP			VTP
201	YEG			YEG

dong/cong-bo-thong-tin/E21

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Người lập

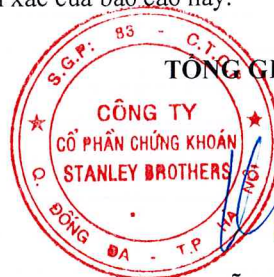


Nguyễn Thị Minh Phương

Kiểm soát



Vũ Thị Mai Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Dũng